

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ : 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

QUÝ 3 NĂM 2017



MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 09 năm 2017	01 - 02
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017	03
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017	04
4. Thuyết minh báo cáo tài chính riêng Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017	05 - 20
5. Phụ lục số 01 – Tình hình tăng tài sản cố định hữu hình	21
6. Phụ lục số 02 – Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	22-23

30/09/2017
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

ĐVT: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2017	01/01/2017
I	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.199.018.720.783	642.361.191.399
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	41.128.547.989	29.021.135.292
1. Tiền	111		41.128.547.989	29.021.135.292
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		362.209.560.232	208.652.312.757
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	342.663.178.446	189.813.330.442
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	11.501.453.502	19.156.468.495
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	9.176.047.939	813.633.475
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.5	(1.131.119.655)	(1.131.119.655)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	748.862.884.215	386.703.037.583
1. Hàng tồn kho	141		748.862.884.215	386.703.037.583
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		46.817.728.348	17.984.705.767
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	1.844.065.578	817.866.890
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		44.410.567.446	16.581.063.925
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	563.095.323	585.774.952
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		266.169.367.117	224.148.378.829
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		8.000.000	8.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		8.000.000	8.000.000
II. Tài sản cố định	220		161.577.024.059	120.432.786.404
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	145.884.873.908	104.813.925.315
- Nguyên giá	222		188.676.663.322	139.538.177.467
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(42.791.789.414)	(34.724.252.152)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	15.692.150.151	15.618.861.089
- Nguyên giá	228		17.352.936.169	16.128.960.569
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.660.786.018)	(510.099.480)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	2.719.164.271
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	2.719.164.271
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		97.177.522.867	96.323.405.480
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.10	116.956.709.500	116.956.709.500
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	5.10	(19.779.186.633)	(20.633.304.020)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.406.820.191	4.665.022.674
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	7.406.820.191	4.665.022.674
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.465.188.087.900	866.509.570.228

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

ĐVT: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2017	01/01/2017
1	2	3	3	4
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.096.815.691.821	565.131.485.526
I. Nợ ngắn hạn	310		1.096.815.691.821	565.131.485.526
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	32.542.537.512	145.731.846.687
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	45.299.010.325	50.826.374.683
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	9.293.438.993	4.437.617.882
4. Phải trả người lao động	314		4.017.057.959	8.647.153.871
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		680.224.329	2.563.060.511
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		3.229.457.390	2.093.204.811
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	1.001.753.965.313	350.832.227.081
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		368.372.396.080	301.378.084.702
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15	368.372.396.080	301.378.084.702
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		233.424.330.000	142.315.340.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		63.704.711.919	63.704.711.919
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.249.042.783	7.686.192.796
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		66.994.311.378	87.671.839.987
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	13.507.886.221
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		66.994.311.378	74.163.953.766
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.465.188.087.901	866.509.570.228

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

Kế toán trưởng



HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 10 năm 2017

Tổng Giám đốc



ĐỖ TIÊN DŨNG

0126
TY
IÂN
JOT
XAN
T.P.V

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3 năm 2017	Lũy kế 9 tháng đầu năm 2017	Quý 3 năm 2016	Lũy kế 9 tháng đầu năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		963.643.141.999	2.808.847.528.921	573.103.487.350	1.867.950.689.648
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	1.626.363.636	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	963.643.141.999	2.807.221.165.285	573.103.487.350	1.867.950.689.648
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	908.974.247.162	2.703.877.921.260	546.733.718.020	1.799.917.530.614
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		54.668.894.837	103.343.244.025	26.369.769.330	68.033.159.034
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		42.303.686	95.750.199	57.195.653	125.926.800
7. Chi phí tài chính	22	6.3	10.109.885.367	23.688.885.151	11.552.932.876	14.206.733.663
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.108.447.952	24.520.655.462	3.906.549.839	8.121.260.515
8. Chi phí bán hàng	25	6.4	21.420.872.181	62.498.527.978	14.177.174.953	34.419.427.928
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	7.730.249.932	24.061.432.092	4.396.522.637	13.062.964.988
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.450.191.043	(6.809.850.997)	(3.699.665.483)	6.469.959.255
11. Thu nhập khác	31	6.6	36.816.806.347	90.703.714.057	31.224.465.258	64.202.991.849
12. Chi phí khác	32		56.697.431	66.730.723	24.480.432	63.724.905
13. Lợi nhuận khác	40		36.760.108.916	90.636.983.334	31.199.984.826	64.139.266.944
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		52.210.299.959	83.827.132.337	27.500.319.343	70.609.226.199
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.13	10.474.996.666	16.832.820.959	5.534.584.365	14.213.976.936
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		41.735.303.293	66.994.311.378	21.965.734.978	56.395.249.263
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-	-	-

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 10 năm 2017



NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT

ĐỖ TIẾN DẴNG

BAO CAO LƯU CHUYỂN TIỀN TE
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

DVT: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	9 tháng đầu năm 2017	9 tháng đầu năm 2016
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		83.827.132.337	70.609.226.199
2. Điều chỉnh cho các khoản			37.660.098.281	21.205.302.408
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		19.157.329.745	9.542.340.694
- Các khoản dự phòng	03		(854.117.387)	6.477.422.507
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.163.769.539)	(2.984.361.695)
- Chi phí lãi vay	06		24.520.655.462	8.169.900.902
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		121.487.230.618	91.814.528.607
- Tăng/giảm các khoản phải thu	09		(181.364.071.367)	(30.534.445.440)
- Tăng/Giảm hàng tồn kho	10		(362.159.846.632)	(191.480.329.082)
- Giảm/tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải	11		(125.477.738.772)	3.540.601.322
- Giảm/tăng chi phí trả trước	12		(3.767.996.205)	(354.634.867)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(24.520.655.462)	(8.169.900.901)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.476.745.292)	(11.794.439.575)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.437.150.013)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(586.716.973.125)	(146.978.619.936)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(142.444.920.792)	(81.984.098.847)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		90.251.818.183	41.127.272.728
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	900.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(172.818.181)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		95.750.199	(119.378.136)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(52.097.352.410)	(40.249.022.436)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		2.920.426.894.994	794.264.240.735
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.269.505.156.762)	(603.550.837.889)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư tài chính	40		650.921.738.232	190.713.402.846
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		12.107.412.697	3.485.760.474
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		29.021.135.292	22.112.123.400
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	41.128.547.989	25.597.883.874

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 10 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng





NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT



ĐỖ HIÊN DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý mua bán phụ tùng các loại;
- Mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô;
- Dịch vụ cứu hộ xe ô tô;
- Đại lý bảo hiểm;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại ô tô;
- Đại lý mua bán xe ô tô;
- Đóng mới thùng xe các loại; sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ (trừ rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập cắt, gò, hàn sơn, tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện);
- Cho thuê xe ô tô;
- Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản có chu kỳ kinh doanh trên 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong năm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong kỳ.

6. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1. Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Số 102 Cách Mạng Tháng Tám, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe	76,20%	76,20%	76,20%
2. Công ty cổ phần sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 256, đường Kim Giang, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	Mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe	92,72%	92,72%	92,72%

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Chi nhánh Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	Số 2008 Võ Văn Kiệt, KP2, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
2. Chi nhánh Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh tại Hà Nội	Số 46 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
3. Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh - Chi nhánh Kim Giang	Số 256, đường Kim Giang, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ hoạt động tài chính Công ty có 480 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 373 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo này được lập cho kỳ hoạt động tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân (X) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh (đối với xe ô tô), phương pháp bình quân gia quyền (đối với các loại hàng tồn kho còn lại) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 10

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 - 06 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Doanh thu bán hàng hoá: xe ô tô, phụ tùng,...

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: sửa chữa xe ô tô,...

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của bất động sản cho thuê, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đơn vị tính: VNĐ)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/09/2017	01/01/2017
- Tiền mặt	6.987.068.716	5.006.602.239
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	34.141.479.273	24.014.533.053
Cộng	41.128.547.989	29.021.135.292

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/09/2017	01/01/2017
Phải thu các bên liên quan	46.800.751.918	226.457.202
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	46.682.740.699	-
- Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	118.011.219	226.457.202
Phải thu các khách hàng khác	295.862.426.528	189.586.873.240
- Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam	82.642.542.243	40.293.054.637
- Các khách hàng khác	213.219.884.285	149.293.818.603
Cộng	342.663.178.446	189.813.330.442

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/09/2017	01/01/2017
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán khác	-	19.156.468.495
- Công ty TNHH Nhựa Phước Thành	7.295.406.501	7.843.977.847
- Các nhà cung cấp khác	4.206.047.001	11.312.490.648
Cộng	11.501.453.502	19.156.468.495

4. Phải thu ngắn hạn khác

	30/09/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	3.209.436.652	455.000.000	650.000.000	455.000.000
- Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ - Lãi cho vay	650.000.000	455.000.000	650.000.000	455.000.000
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	2.559.436.652	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	5.966.611.287	-	163.633.475	-
- Các khoản phải thu khác	5.966.611.287	-	163.633.475	-
Cộng	9.176.047.939	455.000.000	813.633.475	455.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

5. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	30/09/2017		Thời gian quá hạn	01/01/2017	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các bên liên quan		650.000.000	195.000.000		650.000.000	195.000.000
- Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ (phải thu lãi cho vay)	Từ 2 đến 3 năm	650.000.000	195.000.000	Từ 2 đến 3 năm	650.000.000	195.000.000
Các tổ chức và cá nhân khác		676.119.655	-		676.119.655	-
- Công ty Cổ phần Minh Thắng (phải thu thương mại)	Trên 3 năm	447.577.960	-	Trên 3 năm	447.577.960	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng PVV Sài Gòn (phải thu thương mại)	Trên 3 năm	105.454.400	-	Trên 3 năm	105.454.400	-
- Bà Nguyễn Thị Đình Chiến (phải thu thương mại)	Trên 3 năm	45.350.000	-	Trên 3 năm	45.350.000	-
- Bà Võ Thị Thu Phương (phải thu thương mại)	Trên 3 năm	42.692.000	-	Trên 3 năm	42.692.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư Bộ Ba (phải thu thương mại)	Trên 3 năm	35.045.295	-	Trên 3 năm	35.045.295	-
Cộng		1.326.119.655	195.000.000		1.326.119.655	195.000.000

6. Hàng tồn kho

	30/09/2017			01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	46.125.466.204	-		46.649.283.426	-
- Công cụ, dụng cụ	48.440.000	-		-	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	7.056.010.018	-		5.323.491.095	-
- Hàng hóa	695.632.967.993	-		340.673.713.042	-
Cộng	748.862.884.215	-		386.703.037.583	-

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/09/2017	01/01/2017
- Chi phí sửa chữa văn phòng	-	202.736.349
- Công cụ, dụng cụ	764.145.559	424.558.207
- Phí bảo hiểm cháy nổ	-	121.041.667
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.079.920.019	69.530.667
Cộng	1.844.065.578	817.866.890

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	30/09/2017	01/01/2017
- Chi phí sửa chữa văn phòng	2.176.183.754	1.554.303.075
- Công cụ, dụng cụ	4.332.725.384	2.903.719.599
- Chi phí thuê server FPT	126.000.000	207.000.000
- Chi phí trả trước dài hạn khác	771.911.053	-
Cộng	7.406.820.191	4.665.022.674

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

8. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết xem phụ lục số 01 – Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình.

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	8.848.836.800	2.797.580.000	4.482.453.769	16.128.870.569
Tăng trong kỳ	-	-	1.224.065.600	1.224.065.600
- Mua trong kỳ	-	-	1.224.065.600	1.224.065.600
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	8.848.836.800	2.797.580.000	5.706.519.369	17.352.936.169
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	-	510.099.480	510.099.480
Tăng trong kỳ	-	554.853.366	595.833.172	1.150.686.538
- Khấu hao trong kỳ	-	554.853.366	595.833.172	1.150.686.538
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	-	554.853.366	1.105.932.652	1.660.786.018
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	8.848.836.800	2.797.580.000	3.972.354.289	15.618.861.089
Số cuối kỳ	8.848.836.800	2.242.726.634	4.600.586.717	15.692.150.151

10. Đầu tư tài chính dài hạn**10a. Đầu tư góp vốn vào công ty con**

	30/09/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ ⁽¹⁾	22.561.150.000	9.628.343.821	(12.932.806.179)	22.561.150.000	9.947.120.212	(12.614.029.788)
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM ⁽²⁾	94.395.559.500	87.549.179.046	(6.846.380.454)	94.395.559.500	86.376.285.268	(8.019.274.232)
Cộng	116.956.709.500	97.177.522.867	(19.779.186.633)	116.956.709.500	96.323.405.480	(20.633.304.020)

(1) Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017, tỷ lệ lợi ích/quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ là 76,20%.

(2) Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để hoán đổi lấy cổ phiếu phổ thông tự do chuyển nhượng thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM theo tờ trình số 01/2016/TTr-HĐQT ngày 19 tháng 03 năm 2016 và Nghị Quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09 tháng 04 năm 2016. Theo đó, sau khi hoàn thành phát hành, Công ty đã trở thành công ty mẹ, sở hữu 92,72% vốn góp của Công ty cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM. Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017, tỷ lệ lợi ích/quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 92,72%.

10b. Dự phòng cho các khoản đầu tư công ty con

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

	9 tháng đầu 2017	9 tháng đầu 2016
Số đầu năm	20.633.304.020	13.013.224.031
Trích lập dự phòng bổ sung		6.936.832.762
Hoàn nhập dự phòng	(854.117.387)	-
Số cuối kỳ	19.779.186.633	19.950.056.793

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/09/2017	01/01/2017
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	32.542.537.512	145.731.846.687
- Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam	23.406.161.430	139.295.275.647
- Các nhà cung cấp khác	9.136.376.082	6.436.571.040
Cộng	32.542.537.512	145.731.846.687

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Là các khoản trả trước của khách hàng mua xe ô tô và dịch vụ sửa chữa xe.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2017		30/09/2017	
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT tiêu thụ nội địa	-	18.741.677	-	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	29.110.340	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.253.547.523	-	9.293.438.993	-
- Thuế thu nhập cá nhân	184.070.359	-	-	117.519.558
- Tiền thuê đất	-	537.922.935	-	445.575.765
- Thuế môn bài	-	-	-	-
- Các khoản thuế khác	-	-	-	-
Cộng	4.437.617.882	585.774.952	9.293.438.993	563.095.323

13a. Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

13b. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	9 tháng đầu 2017
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	83.827.132.337
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	
- Các khoản điều chỉnh tăng	172.285.446
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	172.285.446
- Các khoản điều chỉnh giảm	
Thu nhập chịu thuế	83.999.417.783
Thu nhập được miễn thuế	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-
Thu nhập tính thuế	83.999.417.783
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	16.799.884.285
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	32.936.674
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	16.832.820.959

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/09/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	13.000.000.000	13.000.000.000
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức</i>	1.001.753.965.313	1.001.753.965.313	337.832.227.081	337.832.227.081
+ Vay ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương	375.597.825.299	375.597.825.299	189.329.709.986	189.329.709.986
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn	256.731.690.318	256.731.690.318	92.985.973.482	92.985.973.482
+ Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)	206.878.928.091	206.878.928.091	-	-
+ Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	145.279.738.890	145.279.738.890	8.760.766.700	8.760.766.700
+ Ngân hàng Quốc tế VIB - Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh	17.265.782.715	17.265.782.715	46.755.776.913	46.755.776.913
Cộng	1.001.753.965.313	1.001.753.965.313	350.832.227.081	350.832.227.081

15. Vốn chủ sở hữu**15a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 02 đính kèm.

15b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/09/2017		01/01/2017	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Ông Đỗ Tiến Dũng	45.685.560.000	19,57%	19.789.540.000	13,91%
- Bà Vũ Thị Hạnh	29.687.310.000	12,72%	18.554.570.000	13,04%
- Các cổ đông khác	158.051.460.000	67,71%	103.971.230.000	73,05%
Cộng	233.424.330.000	100,00%	142.315.340.000	100,00%

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	233.424.330.000	233.424.330.000	-
Cộng	233.424.330.000	233.424.330.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

15c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	9 tháng đầu năm 2017	9 tháng đầu năm 2016
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	142.315.340.000	142.315.340.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	91.108.990.000	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	233.424.330.000	142.315.340.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	91.108.990.000	

15d. Cổ phiếu

	30/09/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	23.342.433	14.231.534
- Cổ phiếu phổ thông	23.342.433	14.231.534
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.342.433	14.231.534
- Cổ phiếu phổ thông	23.342.433	14.231.534
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP.

15e. Các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý 3 năm 2017	Quý 3 năm 2016
- Doanh thu kinh doanh xe	920.736.608.156	534.926.419.183
- Doanh thu dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	42.117.883.301	37.379.816.745
- Doanh thu hoạt động khác	788.650.542	797.251.422
Cộng	963.643.141.999	573.103.487.350

2. Giá vốn hàng bán

	Quý 3 năm 2017	Quý 3 năm 2016
- Giá vốn kinh doanh xe	875.246.239.726	511.710.142.184
- Giá vốn dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	33.728.007.436	34.955.788.564
- Giá vốn hoạt động khác	-	67.787.272
Cộng	908.974.247.162	546.733.718.020

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH*Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh***THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) (tiếp theo)**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

3. Chi phí tài chính

	<u>Quý 3 năm 2017</u>	<u>Quý 3 năm 2016</u>
- Lãi tiền vay	10.108.447.952	3.906.549.839
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	7.646.383.037
- Chi phí tài chính khác	1.437.415	-
Cộng	<u>10.109.885.367</u>	<u>11.552.932.876</u>

4. Chi phí bán hàng

	<u>Quý 3 năm 2017</u>	<u>Quý 3 năm 2016</u>
- Chi phí cho nhân viên	6.933.546.856	5.557.558.359
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.562.963.492	2.514.520.210
- Chi phí dịch vụ thuê ngoài	6.349.819.178	2.163.591.858
- Các chi phí khác	3.574.542.655	3.941.504.526
Cộng	<u>21.420.872.181</u>	<u>14.177.174.953</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 3 năm 2017</u>	<u>Quý 3 năm 2016</u>
- Chi phí cho nhân viên	4.391.809.867	2.234.250.644
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	742.630.110	604.853.473
- Các chi phí khác	2.595.809.955	1.557.418.520
Cộng	<u>7.730.249.932</u>	<u>4.396.522.637</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Quý 3 năm 2017</u>	<u>Quý 3 năm 2016</u>
- Lãi từ thanh lý tài sản cố định	2.182.970.161	666.830.562
- Thu nhập từ tiền thưởng đạt chỉ tiêu bán hàng và hỗ trợ từ Mercedes Benz Việt Nam	34.571.566.182	30.195.339.649
- Thu nhập khác	62.270.004	362.295.047
Cộng	<u>36.816.806.347</u>	<u>31.224.465.258</u>

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

Chỉ tiêu này không trình bày trên báo cáo riêng của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh vì đây là Công ty mẹ.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (đơn vị tính: VNĐ)**1. Nợ tiềm tàng**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	<u>Quý 3 năm 2017</u>	<u>Quý 3 năm 2016</u>
- Lương và thu nhập khác	786.000.000	681.000.000

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Công ty mẹ chiếm 76,20% cổ phần
2. Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Công ty mẹ chiếm 92,72% cổ phần

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các công ty con như sau:

	<u>Quý 3 năm 2017</u>	<u>Quý 3 năm 2016</u>
- Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ		
+ Doanh thu bán phụ tùng và sửa chữa xe	856.172.350	595.881.330
+ Chi phí thuê mặt bằng tại Cần Thơ	300.000.000	218.181.819
+ Chi phí thuê máy móc sửa chữa và mua phụ tùng	182.522.232	-
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM		
+ Doanh thu bán xe và phụ tùng	20.894.545.455	-
+ Chi phí thuê mặt bằng	763.636.362	-
+ Chi phí thuê xe	30.000.000	-
+ Chi phí lãi vay	7.500.000	-

3. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 10 năm 2017.

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

Kế toán trưởng

HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT

Tổng Giám đốc

ĐỖ TIẾN DŨNG

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	37.469.297.108	15.943.184.626	81.894.514.830	2.331.423.439	1.899.757.464	139.538.177.467
Tăng trong năm	18.648.680.239	6.647.607.140	130.342.978.793	1.088.378.665	130.308.000	156.857.952.837
- Mua trong năm	4.792.913.599	6.647.607.140	130.342.978.793	1.088.378.665	130.308.000	143.002.186.197
- Đầu tư XDCB hoàn thành	13.789.547.549					13.789.547.549
- Tăng khác	66.219.091					66.219.091
Giảm trong năm	-	371.626.370	107.002.700.883	345.139.729	-	107.719.466.982
- Giảm do hưởng chiết khấu			12.201.077.275			12.201.077.275
- Thanh lý, nhượng bán			94.801.623.608			94.801.623.608
- Giảm khác		371.626.370		345.139.729		716.766.099
Số cuối năm	56.117.977.347	22.219.165.396	105.234.792.740	3.074.662.375	2.030.065.464	188.676.663.322
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	17.728.959.189	10.963.707.527	4.113.355.496	1.487.171.041	431.058.899	34.724.252.152
Tăng trong năm	3.152.514.684	1.583.418.816	11.677.430.487	948.240.196	645.039.024	18.006.643.207
- Khấu hao trong năm	3.152.514.684	1.583.418.816	11.677.430.487	948.240.196	645.039.024	18.006.643.207
Giảm trong năm	19.025.682	-	9.733.227.202	186.853.061	-	9.939.105.945
- Thanh lý, nhượng bán			9.617.824.765		-	9.617.824.765
- Giảm khác	19.025.682		115.402.437	186.853.061	-	321.281.180
Số cuối năm	20.862.448.191	12.547.126.343	6.057.558.781	2.248.558.176	1.076.097.923	42.791.789.414
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	19.740.337.919	4.979.477.099	77.781.159.334	844.252.398	1.468.698.565	104.813.925.315
Số cuối năm	35.255.529.156	9.672.039.053	99.177.233.959	826.104.199.302	1.067.541.541	145.884.873.908

Người lập biểu

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 10 năm 2017



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ó TỐ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

PHỤ LỤC SỐ 02: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
1. Số dư đầu năm trước	111.161.690.000	635.620.600	4.309.221.242	16.884.857.775	132.991.389.617
2. Tăng trong năm trước	31.153.650.000	63.069.091.319	3.376.971.554	74.163.953.766	171.763.666.639
- Lãi trong năm	-	-	-	74.163.953.766	-
- Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu	31.153.650.000	-	-	-	-
- Thặng dư vốn cổ phần	-	63.069.091.319	-	-	63.069.091.319
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	3.376.971.554	-	3.376.971.554
3. Giảm trong năm trước	-	-	-	(3.376.971.554)	(3.376.971.554)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(3.376.971.554)	(3.376.971.554)
4. Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	142.315.340.000	63.704.711.919	7.686.192.796	87.671.839.987	301.378.084.702
5. Tăng trong kỳ này	91.108.990.000	-	-	66.994.311.378	158.103.301.378
- Trích tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	3.437.150.013	-	-	-	3.437.150.013
- Trích tăng vốn từ lợi nhuận năm trước	87.671.839.987	-	-	-	87.671.839.987
- Lợi nhuận tăng	-	-	-	66.994.311.378	66.994.311.378

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

PHỤ LỤC SỐ 02: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
6. Giám trong kỳ này					
- Giảm do tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	-	-	(3.437.150.013)	(87.671.839.987)	(91.108.990.000)
- Giảm do tăng vốn từ lợi nhuận năm trước	-	-	(3.437.150.013)	-	(3.437.150.013)
7. Số dư cuối kỳ này	233.424.330.000	63.704.711.919	4.249.042.783	66.994.311.378	368.372.396.080

Người lập biểu

[Signature]

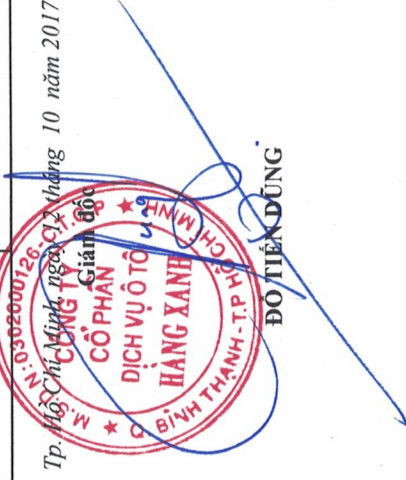
NGUYỄN THỊ THANH HÁNG

Kế toán trưởng

[Signature]

HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 10 năm 2017



ĐỖ TIẾN DŨNG